

Bản án số: 395/2026/DS-PT

Ngày: 07-5-2026

V/v tranh chấp: “Chấm dứt hành vi
cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu
chia thừa kế theo pháp luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Bà Kiều Kim Xuân.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Bùi Vũ Tố Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 609/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “Chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực A - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1347/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Phan Văn H**, sinh năm 1967 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn H:

Chị Lê Thị Hồng T, sinh ngày 30/10/1983 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2026).

- Bị đơn: **Phan Thị L**, sinh năm 1962 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị L:

Ông Phan Văn V, sinh năm 1965 (*có mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2021)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Lê Thị D**, sinh năm 1972 (*có mặt*).

2. **Phan Trung H1**, sinh năm 1998 (*vắng mặt*).

3. **Phan Ngọc H4**, sinh năm 2006 (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

4. **Phan Văn V**, sinh năm 1965 (*có mặt*).

5. **Phan Thị L (Em)**, sinh năm 1962 (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

6. **Phan Văn H2**, sinh năm 1963 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số A, T, Phường E, Quận P, Thành phố H (nay là Số A, Phường Đ, Thành phố H).

7. **Phan Thị L1**, sinh năm 1971 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số E T, Phường A, quận G, Thành phố H (nay là số E T, phường H, Thành phố H).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn H2, bà Phan Thị L1:

Ông Trần Văn T1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2024).

8. **Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp** (là Cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng S – Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Có văn bản đề nghị vắng mặt).

- Người kháng cáo:

Bị đơn bà Phan Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn V, bà Phan Thị L (L), ông Phan Văn H2 và bà Phan Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tờ tự khai, đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày:

Nguyên đơn ông Phan Văn H có thửa đất số 1017, tờ bản đồ số 2, diện tích 7.078m², vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00110, cấp cho cá nhân ông Phan Văn H. Giáp ranh thửa đất của nguyên đơn là thửa đất số 252, tờ bản đồ số 11, diện tích 945,5m², vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH03768, cấp ngày 10/10/2013, cấp cho hộ bà Phan Thị L.

Trong quá trình sử dụng đất, do là chị em ruột với nhau nên hai bên ông H, bà L không có lần chiếm đất hay tranh chấp. Tuy nhiên, hiện nay thực hiện chủ trương của Nhà nước nên nguyên đơn yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đo đạc lại thửa đất của nguyên đơn để cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án VLap thì phía bà L ngăn cản, bà L không xác định ranh giới giữa thửa đất của bà L và thửa đất của ông H, không cho Cơ quan đo đạc tiến hành đo đạc thực địa phía giáp ranh với bà L, không ký tên vào biên bản đo đạc nên Cơ quan đo đạc không thực hiện được. Từ đó không thể xem xét cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn theo dự án VLap. Bà L có hành vi cản trở không cho đo đạc, không chỉ ranh đất. Bà L thì thống nhất vị trí ranh đất nhưng bà L cho rằng đất đang có tranh chấp. Từ đó đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong việc quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất nêu trên.

Vì vậy nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn bà Phan Thị L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1017, tờ bản đồ số 2, diện tích 7078m², vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00110, cấp ngày 17/5/2010, cấp cho cá nhân nguyên đơn Phan Văn H.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì nguyên đơn Phan Văn H không đồng ý.

Tại đơn yêu cầu phản tố, trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị L là ông Phan Văn V trình bày:

Bà L không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà L có yêu cầu phản tố như sau: Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 1017, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất ở ấp B, xã T, diện tích 7.078m² vào sổ cấp giấy số CH0019 ngày 17/5/2010 cấp cho ông Phan Văn H vì không đảm

bảo đúng quy định pháp luật, để phân chia tài sản. Thửa đất số 1017, diện tích 7.078m² cấp cho hộ, yêu cầu phân chia cho 6 thành viên trong hộ gồm cụ Phan Văn H3, cụ Nguyễn Thị G, Phan Thị L, Phan Thị L1, Phan Văn H, Phan Trung H1, mỗi người 01 phần bằng nhau là 1.179m². Phần diện tích của cụ H3 và cụ G tiếp tục chia thừa kế theo quy định pháp luật. Bà L không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H. Bà L nhận hiện vật là đất.

Tại đơn yêu cầu độc lập và bản khai yêu cầu độc lập, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn V trình bày:

Ông thống nhất theo yêu cầu phản tố của bà Phan Thị L và có yêu cầu chia thừa kế thửa đất 1017, diện tích 7078m² cấp cho hộ, yêu cầu phân chia cho 06 thành viên hộ gồm cụ Phan Văn H3, cụ Nguyễn Thị G, Phan Thị L, Phan Thị L1, Phan Văn H, Phan Trung H1, mỗi người 01 phần bằng nhau 1.179m². Phần diện tích của cụ H3 và cụ G tiếp tục chia thừa kế theo quy định pháp luật. Ông xin nhận 01 kỷ phần. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H thì ông không có ý kiến gì.

Ông V có yêu cầu độc lập là xác định diện tích 7078m² là đất cấp cho hộ gia đình, cụ Phan Văn H3 là người đại diện hộ đứng tên, đây là tài sản chung của 06 thành viên hộ gồm: Cụ Phan Văn H3, cụ Nguyễn Thị G, Phan Thị L, Phan Văn H, Phan Thị L1, Phan Trung H1. Chia diện tích đất 1.179,6m² là di sản của cụ Nguyễn Thị G để chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có 06 người: Phan Thị L, Phan Thị L (L), Phan Văn H2, Phan Văn V, Phan Văn H, Phan Thị L1. Yêu cầu chia làm 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 196,6m². Ông V xin nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật.

Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H2 và bà Phan Thị L1 có đại diện theo ủy quyền của là ông Trần Văn T1 trình bày:

Bà Phan Thị L1 có yêu cầu độc lập là: Xác định diện tích đất 7078m² là đất cấp cho hộ gia đình, cụ Phan Văn H3 là người đại diện hộ đứng tên, đây là tài sản chung của 06 thành viên hộ gồm: Cụ Phan Văn H3, cụ Nguyễn Thị G, Phan Thị L, Phan Văn H, Phan Thị L1, Phan Trung H1. Chia diện tích đất 1.179,6m² là di sản cụ Nguyễn Thị G để chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có 06 người: Phan Thị L, Phan Thị L (L), Phan Văn H2, Phan Văn V, Phan Văn H, Phan Thị L1. Yêu cầu chia làm 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 196,6m² đất. Bà L1 xin nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật. Tổng diện tích đất bà được nhận là 1.376,2m².

Ông Phan Văn H2 có yêu cầu độc lập là xác định diện tích 7078m² là đất cấp cho hộ gia đình, cụ Phan Văn H3 là người đại diện hộ đứng tên, đây là tài

sản chung của 06 thành viên hộ gồm: Cụ Phan Văn H3, cụ Nguyễn Thị G, Phan Thị L, Phan Văn H, Phan Thị L1, Phan Trung H1. Chia diện tích đất 1.179,6m² là di sản cụ Nguyễn Thị G để chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có 06 người gồm: Phan Thị L, Phan Thị L (L), Phan Văn H2, Phan Văn V, Phan Văn H, Phan Thị L1. Yêu cầu chia làm 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 196,6m². Nhận hiện vật là đất.

Tại đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L (L) trình bày:

Bà L (Em) yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số 1017, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất ở ấp B, xã T, diện tích 7078m² vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0019 ngày 17/5/2010 cấp cho ông Phan Văn H vì không đảm bảo đúng quy định pháp luật để phân chia tài sản thừa kế. Yêu cầu chia thừa kế diện tích 3539m² đất là di sản của cụ G để lại, chia theo quy định pháp luật bằng 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 589,8m² đất. Bà L xin nhận 01 phần bằng 589,8m² đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày:

Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chồng bà. Bà không đồng ý theo yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của ông V, bà L, bà L (Em), ông H2, bà L1.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Trung H1 và Phan Thị Ngọc H4 trình bày: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý theo yêu cầu phản tố; yêu cầu độc lập của ông V, bà L, bà L (Em), ông H2, bà L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp là Cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (cũ) có đơn xin vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A - Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ các điều 26, 35, 227, 228, 235, 266, 267 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ quy định tại các điều 158, 164, 166, 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 về hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Các điều 157, 166, 170, 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Tố tụng hành chính; Luật tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Văn H yêu cầu buộc bà Phan Thị L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà đối với thửa đất số 1017, tờ bản đồ số 2, diện tích 7078m² vào sổ cấp giấy số CH00110 cấp ngày 17/5/2010 cấp cho cá nhân ông là Phan Văn H.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phan Thị L yêu cầu tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 1017, diện tích 7078m² cấp giấy ngày 17/5/2010 cho ông Phan Văn H.

- Xác định diện tích 7078m² là đất cấp cho hộ gia đình cụ Phan Văn H3, là người đại diện đứng tên, đây là tài sản chung của 6 thành viên hộ, gồm những người sau đây: Phan Văn H3, Nguyễn Thị G, Phan Thị L (tên khác Phan Thị E), Phan Văn H, Phan Thị L1, Phan Trung H1.

Chia diện tích 7078m² đất cho 6 thành viên hộ, mỗi thành viên 1.179,6m².

- Xác định diện tích đất 1.179,6m² của cụ Nguyễn Thị G là di sản để chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có 6 người con cụ G có tên nêu trên 6 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 196,6m², bà L xin nhận một phần đất 196,6m².

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn V yêu cầu xác định diện tích 7078m² là đất cấp cho hộ gia đình cụ Phan Văn H3 là người đại diện đứng tên, đây là tài sản chung của 6 thành viên hộ gồm: Phan Văn H3; Nguyễn Thị G; Phan Thị L (tên khác Phan Thị Lệ E); Phan Văn H; Phan Thị L1; Phan Trung H1 chia cho mỗi thành viên 1.179,6m². Chia diện tích đất 1.179,6m² là di sản cụ Nguyễn Thị G để chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có 6 người gồm có Phan Thị L; Phan Thị L (Lệ Em); Phan Văn H2; Phan Văn V; Phan Văn H; Phan Thị L1. Yêu cầu chia là 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 196,6m². Ông V xin nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L (L) yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số 1017, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất ấp B, xã T, diện tích 7078m² vào sổ cấp giấy số CH0019 ngày 17/5/2010 cấp cho ông Phan Văn H vì không đảm bảo

đúng quy định pháp luật, để phân chia tài sản thừa kế. Yêu cầu chia thừa kế diện tích 3539m² đất là di sản cụ G chia theo quy định pháp luật bằng 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 589,8m², bà xin nhận một phần bằng 589,8m² đất.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H2 yêu cầu xác định diện tích 7078m² là đất cấp cho hộ gia đình cụ Phan Văn H3 là người đại diện đứng tên, đây là tài sản chung của 6 thành viên hộ gồm: Phan Văn H3; Nguyễn Thị G; Phan Thị L (tên khác Phan Thị Lệ E); Phan Văn H; Phan Thị L1; Phan Trung H1 chia cho mỗi thành viên 1.179,6m². Chia diện tích đất 1.179,6m² là di sản cụ Nguyễn Thị G để chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có 6 người gồm có Phan Thị L; Phan Thị L (Lệ Em); Phan Văn H2; Phan Văn V; Phan Văn H; Phan Thị L1. Yêu cầu chia là 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 196,6m². Nhận hiện vật đất.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L1 yêu cầu xác định diện tích 7078m² là đất cấp cho hộ gia đình cụ Phan Văn H3, cụ là người đại diện đứng tên, là tài sản chung của 6 thành viên hộ. Chia diện tích 7078m² đất cho 6 thành viên hộ gồm: Phan Văn H3, Nguyễn Thị G, Phan Thị L (tên khác Phan Thị Lệ E), Phan Thị L1, Phan Văn H, Phan Trung H1, chia cho mỗi thành viên 1.179,6m². Chia cho bà 1.179,6m² đất, tại bất cứ vị trí nào trên thửa số 1017. Xác định diện tích đất 1.179,6m² là di sản cụ Nguyễn Thị G, chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất 1.179,6m² cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Phan Thị L (Phan Thị Lệ E); Phan Thị L; Phan Văn H2; Phan Văn V; Phan Văn H; Phan Thị L1. Bà yêu cầu chia cho 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 196,6m², bà L1 xin nhận một phần đất 196,6m².

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, bị đơn Phan Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị L (L) và ông Phan Văn V kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L (L), ông V.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn H2 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H2.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị L1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kiểm sát viên nhận định: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp do gia đình cụ H3 cho cụ H3, sau năm 1975 cụ H3 kê khai đăng ký và đến ngày 01/8/1998 được cấp quyền sử dụng đất gồm thửa 949, diện tích 3.687m², thửa 1017 diện tích 3.391m², vào sổ cấp Giấy chứng nhận 2166 QSDĐ, ngày 01/8/1998, cấp cho hộ do cụ H3 đại diện đứng tên hộ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi cụ H3, cụ G cưới nhau, cùng tạo lập, sinh sống trên thửa đất nói trên. Hộ cụ H3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/8/1998, cụ G chết ngày 20/12/1998. Như vậy có căn cứ xác định thửa đất trên là tài sản chung của cụ G, cụ H3 chết để lại. Năm 2010, cụ H3 cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên và làm hợp đồng tặng cho ông H, ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung 01 thửa số 1017, diện tích 7.078m² ngày 17/5/2010, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông H là không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, người liên quan có yêu cầu độc lập là chưa phù hợp. Hơn nữa, ông H cho rằng cụ H3 vừa bán, vừa tặng cho ông H diện tích khoảng 2.000m² và mua của bà L1 diện tích khoảng 1.000m², đến năm 2010 cụ H3 lập hợp đồng tặng cho ông toàn bộ thửa đất trên, ông được cấp giấy theo đúng quy định của pháp luật. Bà L1, ông V, ông H2, bà L, bà L (Em) không thừa nhận việc mua bán, tặng cho đất nói trên, vấn đề này cũng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chưa đầy đủ vì quá trình giải quyết các đương sự có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của hộ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định quan hệ tranh chấp này. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên hủy Bản án sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Đồng Tháp để giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Do đề nghị hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét nội dung kháng cáo.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của các đương sự Phan Thị L, Phan Thị L (Em), Phan Văn V, Phan Văn H2, Phan Thị L1 đúng thủ tục, thời hạn luật định nên được thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Vợ chồng cụ Phan Văn H3 (sinh năm 1928 – chết ngày 02/12/2012), Nguyễn Thị G (sinh năm 1925 – chết ngày 20/12/1998) sinh được 06 người con gồm:

1. Bà Phan Thị L (Em).
2. Bà Phan Thị Lệ .
3. Ông Phan Văn H2.
4. Ông Phan Văn V.
5. Ông Phan Văn H.
6. Bà Phan Thị L1.

Phần đất tranh chấp (diện tích 7.078m², thuộc thửa 1017, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện ông Phan Văn H đang đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH0019 cấp ngày 17/5/2010) có nguồn gốc từ cha mẹ của cụ H3 cho cụ H3. Sau năm 1975, cá nhân cụ H3 đi kê khai đăng ký vào sổ quản lý ruộng đất của địa phương. Đến ngày 01/8/1998 cụ H3 được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, thời điểm này là cấp cho hộ cụ H3. Tại thời điểm cụ H3 có đất, đi đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ thì cụ G là vợ cụ H3 vẫn còn sống, vợ chồng cụ H3- cụ G cùng quản lý, sử dụng đất. Việc cấp đất cho hộ thì cụ H3 không phản đối, cụ H3 cũng không có ý chí thể hiện đây là tài sản riêng của cá nhân cụ H3 nên căn cứ Luật hôn nhân gia đình năm 1986 xác định phần đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng cụ H3 và cụ G.

Cụ G chết vào ngày 20/12/1998 nên phần đất thuộc phần di sản của cụ G được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Năm 2010, cụ H3 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H luôn cả phần đất là phần di sản của cụ G là chưa phù hợp vì cụ H3 chỉ có quyền tặng cho phần đất thuộc phần tài sản của cụ H3 và phần cụ H3 nhận thừa kế từ cụ G. Do đó, yêu cầu chia thừa kế của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định phần đất tranh chấp này là tài sản chung của vợ chồng cụ H3 và cụ G mà xác định đất tranh chấp không phải của hộ gia đình cụ H3 nên không chấp nhận yêu cầu chia tài sản

chung trong hộ, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H lúc thì khai phần đất tranh chấp 7.078m² là toàn bộ đất của cụ H3 tặng cho ông H, lúc thì khai là trong phần đất tranh chấp có 1.000m² mà cụ H3 đã chia cho bà L1, bà L1 nhận nhưng không canh tác mà chuyển nhượng lại ông H giá 10.000.000 đồng có sự chứng kiến của ông Võ Văn C, ông H đã giao đủ tiền cho bà L1.

Vì vậy cần phải thu thập tài liệu chứng cứ để chia di sản thừa kế là phần đất tranh chấp thuộc tài sản chung của vợ chồng cụ H3 – cụ G; xác minh làm rõ trong 7.078m² đất tranh chấp có hay không 1.000m² đất bà L1 bán cho ông H để làm căn cứ chia thừa kế. Những nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

[2.3] Xét thấy, năm 2013 ông Phan Văn V khởi kiện ông Phan Văn H yêu cầu ông H và các thành viên trong hộ ông H trả lại ông V 400m² đất thuộc thửa 1017 tại ấp B, xã T, huyện C. Tại vụ án này, ông V khai cha ông V là cụ Phan Văn H3 lúc còn sống có tạo lập thừa đất này. Ngày 05/5/1999, cụ H3 tặng cho ông V 400m² được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 225/2014/DS-ST ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn V đòi ông Phan Văn H trả lại 400m² nằm trong thửa 1017. Ngày 05/02/2014, ông Phan Văn V kháng cáo yêu cầu xét xử buộc ông H trả lại 400m² đất cho ông V. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 106/2015/DSPT ngày 13/3/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đến năm 2019, ông Phan Văn H2, Phan Văn V, Phan Thị L (Em), Phan Thị L, Phan Thị L1 khởi kiện ông Phan Văn H yêu cầu Tòa án công nhận thừa đất 949, diện tích 3.687m² và thửa đất 1017, diện tích 3.391m² là tài sản chung của cụ Phan Văn H3 và cụ Nguyễn Thị G. Yêu cầu ông H phải chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H2. Ngày 09/10/2020 ông H2, ông V, bà L1, bà L (Em), bà L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu chia thừa kế. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do người khởi kiện rút đơn khởi kiện và nguyên đơn đồng ý.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 01/8/2025 của Tòa án khu vực 5- Đồng Tháp xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì tại Bản án dân sự sơ thẩm số 225/2014/DS-ST ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè và tại Bản án số

106/2015/DSPT ngày 13/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thể hiện ông Phan Văn V thừa nhận 02 thửa đất tranh chấp là tài sản của cụ H3, điều này còn được thể hiện bằng việc cá nhân cụ H3 kê khai đăng ký, không phải cụ H3 và cụ G cùng tạo lập cùng kê khai. Đến ngày 01/8/1998 đất được cấp cho hộ nhưng từ khi cấp giấy chứng nhận đến năm 2010 cụ H3 biết đất cấp cho hộ mà không có ý kiến. Xét thấy nhận định này chưa phù hợp, vì tại thời điểm ông V đi kiện đòi 400m² đất từ ông H thì trong anh em chỉ có ông V và ông H tham gia vụ án nên đây chỉ là ý kiến cá nhân của ông V, các anh chị em khác chưa có ý kiến đồng thuận với ý kiến ông V. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm dựa trên ý kiến của cá nhân ông V thời điểm đó để kết luận là chưa vững chắc. Việc chỉ có cụ H3 đi đăng ký kê khai nhưng sau đó đất được cấp cho hộ không có cơ sở để nói rằng đất của cá nhân cụ H3. Việc cụ H3 biết đất cấp cho hộ mà không có ý kiến thì càng chứng tỏ cụ H3 thống nhất đất này là của gia đình.

[2.4] Bên cạnh đó, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 106/2015/DSPT ngày 13/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có hiệu lực đã quyết định không chấp nhận yêu cầu đòi 400m² đất của ông Phan Văn V, giữ nguyên quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H. Qua lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và theo hồ sơ vụ án thể hiện 400m² đất này nằm trong phần đất đang tranh chấp hiện nay, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý lại phần 400m² đất này do phần này đã được giải quyết bằng bản án đang có hiệu lực pháp luật.

[2.5] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu chia tài sản chung trong hộ, chia thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu quan hệ pháp luật là chia tài sản chung nhưng khi xét xử có nhận định và quyết định không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung trong hộ là chưa phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xem xét chia thừa kế từ di sản 7.078m² đất của vợ chồng cụ H3 và cụ G, những nội dung này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục bổ sung được; đồng thời, bản án sơ thẩm chưa đảm bảo quy định của pháp luật về tố tụng nên cần hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Đồng Tháp đối với yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên không xem xét nội dung của yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét thấy quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Đồng Tháp để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Phần án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A - Đồng Tháp.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực A - Đồng Tháp giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Các phần khác của Bản án sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A - Đồng Tháp không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KT - TT & THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực A - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV A - Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh